

TRÍCH BIÊN BẢN HỌP CƠ QUAN

Hôm nay, vào lúc 09h 20 phút ngày 03/12/2025. Tại trường tiểu học Trần Hưng Đạo, xã Đức An, tỉnh Lâm Đồng chúng tôi gồm có:

I. Thành phần tham dự:

- | | |
|-------------------------------|-------------------------|
| 1. Đ/c: Hoàng Thị Thanh Huyền | - Hiệu trưởng - chủ trì |
| 2. Đ/c: Nguyễn Thị Bích | - Thư ký |
| 3. Tham dự: 24/24 đ/c | |

II. Nội dung cuộc họp:

Đồng chí: Nguyễn Thị Hải thông qua Quyết định giao dự toán số 1960/QĐ-UBND ngày 02/12/2025 về việc giao dự toán các khoản kinh phí bổ sung có mục tiêu trong năm 2025 về công khai tài chính theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán thu chi theo hướng dẫn của Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Yêu cầu các đồng chí trong cơ quan thực hiện nghiêm túc và đúng quy định đề ra.

Cuộc họp kết thúc vào lúc 10 giờ 00 phút cùng ngày, biên bản được đọc cho mọi người cùng nghe và thống nhất./.

THƯ KÝ



Nguyễn Thị Bích



Hoàng Thị Thanh Huyền

UBND XÃ ĐỨC AN
TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO
Số: 75 /QĐ-THĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đắk Song, ngày 03 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
“Công khai về việc giao dự toán các khoản kinh phí bổ sung có mục tiêu trong năm 2025”

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN HƯNG ĐẠO

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ Quyết định giao dự toán số 1960/QĐ-UBND ngày 02/12/2025 về việc giao dự toán các khoản kinh phí bổ sung có mục tiêu trong năm 2025;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai dự toán chi ngân sách Nhà nước của đơn vị trường tiểu học Trần Hưng Đạo, xã Đức An, tỉnh Lâm Đồng (thông báo kèm theo).

Điều 2. Thông báo công khai được niêm yết tại trụ sở làm việc của đơn vị kể từ ngày 03 tháng 12 năm 2025 đến ngày 02 tháng 03 năm 2026 và thông báo rộng rãi cho cán bộ công chức trong đơn vị.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bộ phận kế toán và cán bộ công chức thuộc đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Trang Web nhà trường;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Thị Thanh Huyền

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính
 Trường tiểu học Trần Hưng Đạo
 Chương: 622

DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 75/QĐ-TTHĐ ngày 03/12/2025 của trường tiểu học Trần Hưng Đạo)

DVT: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	195.750.000
1	Số thu phí, lệ phí	
1,1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
		
1,2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2,1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	195.750.000
	số 73/2025/NĐ của Chính Phủ	195.750.000
2,2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3,1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
		
3,2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1,1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1,2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2,1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
2,2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	



2,3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	
2	Chi Chương trình mục tiêu	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)	



ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐỨC AN

Số: 1960 /QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đức An, ngày 02 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán các khoản kinh phí bổ sung có mục tiêu trong năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỨC AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước, ngày 25/6/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ Quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2184/QĐ-UBND ngày 17/11/2025 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc bổ sung có mục tiêu năm 2025 và giao lại dự toán chi cho các xã, phường trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình số 204/TTr-KT, ngày 02/12/2025 về việc giao dự toán các khoản kinh phí bổ sung có mục tiêu trong năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán các khoản kinh phí bổ sung có mục tiêu trong năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị với tổng số tiền: **5.573.000.000 đồng, (Bằng chữ: Năm tỷ năm trăm bảy mươi ba triệu đồng), chi tiết như phụ lục đính kèm.**

Nguồn kinh phí thực hiện: Tại Quyết định số 2184/QĐ-UBND, ngày 17/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Giao Trưởng phòng Kinh tế phối hợp với các cơ quan liên quan lập thủ tục cấp khoản kinh phí nêu trên cho các cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật; đồng thời chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác của thông tin, số liệu, hồ sơ và mức kinh phí đề nghị phân bổ, giao dự toán tại Điều 1 quyết định này.

2. Giao cho các cơ quan, đơn vị được phân bổ dự toán kinh phí tại Điều 1 chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện theo quy định của Pháp luật, bảo đảm đầy đủ thành phần hồ sơ, thủ tục, tiết kiệm, hiệu quả không để xảy ra thất thoát, lãng phí, tham nhũng, tiêu cực; đồng thời thanh quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND & UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế; Trưởng phòng Giao dịch số 7- Kho bạc Nhà nước Khu vực XVI và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT,KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Quốc Tuấn

**PHỤ LỤC
BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 1960/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2024 của UBND xã Đức An)

ĐVT: Đồng

Stt	Nội dung	Mã ĐVQHNS	Khoản	Kinh phí phân bổ	Ghi chú
1	Văn phòng HĐND & UBND xã Đức An	1156632		481.811.000	
	Nguồn kinh phí thực hiện tự chủ			165.000.000	
-	Kinh phí chi trả cho hợp đồng phục vụ, hỗ trợ theo nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính Phủ		341	165.000.000	
	Nguồn kinh phí không thực hiện tự chủ			316.811.000	
-	Kinh phí hỗ trợ đóng BHXH cho dân quân thường trực		011	86.000.000	
-	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2025/NĐ của Chính Phủ		341	230.811.000	
2	Phòng Kinh tế xã Đức An	1156009		142.679.000	
	Nguồn kinh phí không thực hiện tự chủ			142.679.000	
-	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2025/NĐ của Chính Phủ		341	142.679.000	
3	Văn phòng Đảng ủy	1157723		424.950.000	
	Nguồn kinh phí không thực hiện tự chủ			424.950.000	
-	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2025/NĐ của Chính Phủ		351	259.950.000	
-	Kinh phí chi trả cho hợp đồng phục vụ, hỗ trợ theo nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính Phủ		351	165.000.000	
4	Trung tâm văn hóa- thể thao xã Đức An	3034911		511.023.000	
	Nguồn kinh phí không thực hiện tự chủ			511.023.000	
-	Hỗ trợ kinh phí điện chiếu sáng công cộng 6 tháng cuối năm 2025		312	300.000.000	
-	Hỗ trợ kinh phí thực hiện thu gom rác thải tại địa phương		312	70.000.000	
-	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2025/NĐ của Chính Phủ		161	124.353.000	
-	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2025/NĐ của Chính Phủ		221	16.670.000	
5	Phòng văn hóa -xã hội	1160693	341	155.605.000	
	Nguồn kinh phí không thực hiện tự chủ			155.605.000	
-	Hỗ trợ kinh phí vận hành, quản lý đài tưởng niệm			36.000.000	
-	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2025/NĐ của Chính Phủ			119.605.000	
6	Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam	1158656	341	131.084.000	
	Nguồn kinh phí không thực hiện tự chủ			131.084.000	
-	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2025/NĐ của Chính Phủ			131.084.000	
7	Trung tâm hành chính công		341	43.955.000	
	Nguồn kinh phí không thực hiện tự chủ			43.955.000	
-	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2025/NĐ của Chính Phủ			43.955.000	
8	Trung tâm chính trị	1165006	085	27.782.000	
	Nguồn kinh phí không thực hiện tự chủ			27.782.000	
-	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2025/NĐ của Chính Phủ			27.782.000	
9	Trường MN Hướng Dương	1111622	071	254.968.000	
	Nguồn kinh phí không thực hiện tự chủ			254.968.000	

-	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2025/NĐ của Chính Phủ			254.968.000	
10	Trường MN Hoa Sen	1111623	071	245.163.000	
	Nguồn kinh phí không thực hiện tự chủ			245.163.000	
-	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2025/NĐ của Chính Phủ			245.163.000	
11	Trường MN Sơn Ca	1111620	071	177.866.000	
	Nguồn kinh phí không thực hiện tự chủ			177.866.000	
-	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2025/NĐ của Chính Phủ			177.866.000	
12	Trường TH Tô Hiệu	1091573	072	293.152.000	
	Nguồn kinh phí không thực hiện tự chủ			293.152.000	
-	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2025/NĐ của Chính Phủ			293.152.000	
13	Trường THCS Trần Phú	1091572	073	500.541.000	
	Nguồn kinh phí không thực hiện tự chủ			500.541.000	
-	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2025/NĐ của Chính Phủ			500.541.000	
14	Trường THCS Nguyễn Tất Thành	1108232	073	423.381.000	
	Nguồn kinh phí không thực hiện tự chủ			423.381.000	
-	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2025/NĐ của Chính Phủ			423.381.000	
15	Trường THCS Lý Thường Kiệt	1091594	073	353.626.000	
	Nguồn kinh phí không thực hiện tự chủ			353.626.000	
-	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2025/NĐ của Chính Phủ			353.626.000	
16	Trường TH Nguyễn Bình Khiêm	1091469	072	385.738.000	
	Nguồn kinh phí không thực hiện tự chủ			385.738.000	
-	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2025/NĐ của Chính Phủ			385.738.000	
17	Trường TH Chu Văn An	1091493	072	342.357.000	
	Nguồn kinh phí không thực hiện tự chủ			342.357.000	
-	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2025/NĐ của Chính Phủ			342.357.000	
18	Trường TH Nguyễn Đình Chiểu	1111625	072	285.649.000	
	Nguồn kinh phí không thực hiện tự chủ			285.649.000	
-	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2025/NĐ của Chính Phủ			285.649.000	
19	Trường TH Lê Văn Tám	1111626	072	195.920.000	
	Nguồn kinh phí không thực hiện tự chủ			195.920.000	
-	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2025/NĐ của Chính Phủ			195.920.000	
20	Trường TH Trần Hưng Đạo	1125654	072	195.750.000	
	Nguồn kinh phí không thực hiện tự chủ			195.750.000	
-	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2025/NĐ của Chính Phủ			195.750.000	
	Tổng cộng			5.573.000.000	